ỦY BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:419 /TB-UBND	*Hải Dương, ngày* 14 *tháng* 10 *năm 2026*

THÔNG BÁO
Về việc công khai danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi tham mưu giải quyết của Phòng Kinh tế phường Hải Dương

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Ủy ban nhân dân phường Hải Dương thông báo công khai danh mục 38 thủ tục hành chính thuộc 11 lĩnh vực do Phòng Kinh tế tham mưu giải quyết theo chức năng, nhiệm vụ được giao, cụ thể như sau:

1. Lĩnh vực Quản lý thuế, lệ phí và thu khác của NSNN gồm: 01 thủ tục hành chính;

2. Lĩnh vực Quản lý Công sản gồm: 02 thủ tục hành chính;

3. Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của Tổ hợp tác, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã gồm: 19 thủ tục hành chính;

4. Lĩnh vực Thành lập và hoạt động doanh nghiệp gồm 07 thủ tục hành chính;

5. Lĩnh vực Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư, quản lý gồm 02 thủ tục hành chính;

6. Lĩnh vực Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng gồm 01 Thủ tục hành chính;

7. Lĩnh vực Điện lực, gồm 01 thủ tục hành chính;

8. Lĩnh vực Quản lý chương trình mục tiêu quốc gia gồm 01 thủ tục hành chính;

9. Lĩnh vực tài chính đất đai gồm 01 thủ tục hành chính.
10. Lĩnh vực địa chất và khoáng sản gồm 02 thủ tục hành chính.
11. Lĩnh vực thành lập, mở rộng cụm công nghiệp gồm 01 thủ tục hành chính.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

Chi tiết Danh mục Thủ tục hành chính được niêm yết công khai tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công phường và đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử phường Hải Dương tại địa chỉ: https://*haiduong.haiphong.gov.vn*.

Ủy ban nhân dân phường thông báo để các tổ chức, cá nhân được biết và theo dõi./.

Nơi nhận:
- Thường trực Đảng ủy phường;
- Thường trực HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công;
- Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công phường;
- Lưu VT, KT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Hoa

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
PHÒNG KINH TẾ

STT	Tên lĩnh vực/Thủ tục	Mã số	Ghi chú
I	**LĨNH VỰC QUẢN LÝ THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ VÀ THU KHÁC CỦA NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**		
1.	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	1.013040	
II	**LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN**		
1.	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế	3.000410	
2.	Quyết định miễn, giảm tiền thuê nhà cho tổ chức, cá nhân thuê nhà	1.014535	
III	**LĨNH VỰC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CHỢ DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ**		
1.	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	1.012568	
2.	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	1.012569	
IV	**LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ**		
1.	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.	2.002635	
2.	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo.	2.002636	
3.	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	2.002637	
4.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác;	2.002639	
5.	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	2.002642	
6.	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2.002649	
7.	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	1.005280	

8.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập; Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực (Mã hồ sơ TTHC: 1.005277)	1.005277	
9.	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1.004901	
10.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực	1.004979	
11.	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2.001958	
12.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1.005378	
13.	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1.004982	
14.	Chấm đứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1.005010	
15.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký| - Luật Hợp tác xã 2023; tổ hợp tác/ Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/ Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	2.002638	
16.	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	2.002641	
17.	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Dừng thực hiện thủ tục giải thê hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2.002643	
18.	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chỉ nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2.002648	
19.	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh; Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2.002123	

V	**LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**		
1.	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	1.001612	
2.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	2.000575	
3.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	2.000720	
4.	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	1.001570	
5.	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	1.001266	
6.	Dừng thực hiện thủ tục đang ký hộ kinh doanh	1.014035	
7.	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh	1.014034	
VI	**LĨNH VỰC BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG**		
1.	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	2.002620	
VII	**LĨNH VỰC ĐIỆN LỰC**		
1	Thông báo phát triển nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ đấu nối với hệ thống điện quốc gia tại cấp điện áp hạ áp	1.115377	
VIII	**LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**		
1	Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất cộng đồng	1.014737	
IX	**LĨNH VỰC TÀI CHÍNH ĐẤT ĐAI**		
1	Thủ tục tính hoặc tính lại tiền sử dụng đất theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 12 Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ	2.002858	
X	**LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN**		
1	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (cấp xã)	1.014258	
2	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (cấp xã)	1.014259	
XI	**LĨNH VỰC THÀNH LẬP, MỞ RỘNG CỤM CÔNG NGHIỆP**		
1	Thủ tục Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp	1.012427	